

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-PT

Ngày: 23-02-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2021/HS-ST ngày 26-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Nguyễn Quốc B** (B L), sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 57/1/1 đường L, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12, dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph (chết) và bà Huỳnh Thị Khánh L; vợ: Bùi Thị Phụng L, sinh năm 1991; con: có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: có 02 tiền án. Theo Bản án số: 16/HSST ngày 14/3/2011 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”. Theo Bản án số: 66/2011/HSST ngày 15/3/2011 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”. Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số: 185/THHP ngày 13/7/2011 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp Bản án số 16/HSST ngày 14/3/2011 và Bản án số 66/2011/HSST ngày 15/3/2011 là 08 năm tù (bút lục số 0746), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 19/12/2015. Tại Bản án số: 58/2019/HS-ST ngày 24-4-2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 15/6/2020; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 27/10/2020 đến

nay; có mặt.

2/ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1991 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: Số 514/32/21 đường T, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 4/12, dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hà Thu H; vợ: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1999; con: có 01 người con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 27/10/2020 đến nay; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Thành Bửu T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/10/2020, Lê Thành Bửu T gọi điện thoại rủ Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ về địa bàn tỉnh Bến Tre để cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu sài thì được B và Đ đồng ý. Rạng sáng ngày 25/10/2020, Đ điều khiển xe mô tô biển số 59V3 - 123.87 mượn của Dương Văn S chở B, còn T đi một mình bằng xe mô tô của T biển số 29Y3 - 190.32 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến địa bàn tỉnh Bến Tre. Cả ba thống nhất cách thức cướp giật tài sản là khi phát hiện có tài sản thì tiếp cận giật lấy tài sản, xe còn lại tìm cách ngăn cản người khác vây bắt. Được chuẩn bị 02 con dao (loại dao quắm, mũi nhọn) đưa cho B 01 con dao, Đ giữ lại 01 con dao và T tự mang theo 01 con dao bấm rồi cả ba đi theo Quốc lộ 60 về hướng thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến khu vực thuộc Khu phố 7, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam. T điều khiển xe chạy trước, Đ chở B chạy sau thì Đ và B phát hiện xe mô tô 02 bánh biển số 54T3 - 4910 do ông Phan Trung T điều khiển chở cháu nội ngồi giữa và vợ là bà Lê Thị Kim A ngồi sau chạy vào cây xăng cặp Quốc lộ 60 đổ xăng, trên cổ bà Kim Anh có đeo một sợi dây chuyền vàng nên Đ bấm còi ra hiệu để T quay lại, cả bọn dừng xe ở cặp lộ đợi. Khi ông T chở bà Kim A từ trong cây xăng chạy ra Quốc lộ về hướng thị trấn Mỏ Cày thì Đ điều khiển xe chạy theo, áp sát vào bên trái xe ông T để B ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của bà Kim A rồi Đ tăng ga xe chạy vào Quốc lộ 57 hướng về huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tuấn chạy theo phía sau cùng tẩu thoát.

Khi chạy vào Quốc lộ 57, đến đoạn ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam thì Đ chở Bình chạy trước, T chạy sau và phát hiện thấy bà Nguyễn Thị L đang điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 54Y5 - 8346 lưu thông cùng chiều phía trước, trên cổ bà L có đeo một sợi dây chuyền vàng, T liền cho xe áp sát từ bên phải rồi dùng tay phải cầm lái, tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bà L. Bị giật bất ngờ, bà L chụp giữ lại dây chuyền làm dây chuyền bị đứt một đoạn rơi tại hiện trường. Cùng lúc, do hai xe va chạm nhau nên xe bà L loạng choạng rồi dừng lại, xe của T bị ngã xuống mặt đường, bà L truy hô “cướp, cướp”. Thấy vậy, Đ và B quay xe lại phụ dựng xe của Tuấn lên để tẩu thoát. Lúc này, anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1987,

đăng ký thường trú Ấp 1, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đang điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 64C - 066.69 chạy đến, nghe tiếng bà Liên truy hô, anh Cửa liền lái xe ép vào hai xe mô tô của T và Đ làm hai xe ngã nằm trên lộ. Khi anh C xuống xe để không chế các đối tượng thì bị các đối tượng chống trả, T nhặt đá trên lộ ném vào anh C. Thấy vậy, anh Trần Văn Ng, sinh năm 1977, đăng ký thường trú ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam và anh Dương Văn Đ, sinh năm 1988, đăng ký thường trú ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam đang ở gần đó chạy đến hỗ trợ anh C thì bị Tuấn dùng dao chống trả gây thương tích cho anh Ng và anh Đ, rồi cả ba bỏ xe chạy bộ tẩu thoát khỏi hiện trường, lần trốn ở khu vực gần chùa Ph, thuộc ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam (cách hiện trường xảy ra vụ án khoảng 01km). Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Mỏ Cày Nam cùng quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ.

* Vật chứng và các đồ vật được thu giữ bao gồm:

- Tại hiện trường:

+ 01 (một) đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 34cm, hai đầu bị hở 02mm (một đầu cách móc dây chuyền 14,5cm, đầu còn lại cách móc 19,5cm);

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh - trắng, biển số 59V3 - 123.87, số khung RLHKC260XJY006040, số máy KC26E1251489;

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng - đỏ, biển số 29Y3 - 190.32, số khung RLCE5P710AY045689, số máy 5P71-045687;

+ 01 (một) chiếc dép kẹp trái hiệu Louis Vuitton, dài 28cm;

+ 01 (một) đôi dép kẹp hiệu Nine, màu đen, dài 28cm;

+ 01 (một) ba lô màu đen - xám, hiệu Hami (trong ba lô có một áo mưa màu xanh, không rõ nhãn hiệu và một quần short, loại quần vải, màu đen, hiệu ADIDAS Originals);

+ 01 (một) túi mang màu nâu, không rõ nhãn hiệu (trong túi có 01 [một] lược nhựa 22cm x 45cm, màu xanh, không rõ nhãn hiệu; 01 [một] bàn chải đánh răng hiệu Colgate; 01 [một] dao cạo râu hiệu Gillette, màu vàng và 01 [một] chai thuốc nhỏ mắt hiệu V-Rohto, 13ml);

- Thu của các bị cáo khi làm việc:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI, màn hình cảm ứng, màu đen, phần lưng màu trắng bị bể hư hỏng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu V-SMART, màn hình cảm ứng, màu đen, phần lưng màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59V3 - 123.87;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màn hình cảm ứng, màu vàng - Gold;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu đen, ốp lưng màu đen;

+ 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại màu đen, dài 14,2cm, lưỡi dao quắm hình lưỡi liềm, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10cm, có một bề bên, vỏ bọc cán dao và lưỡi dao bằng nhựa màu đen;

- Truy tìm vật chứng thu được:

+ 01(một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 52cm, khoen tiếp móc khóa bị gãy hở 02mm;

+ 02 (hai) tờ tiền Việt Nam, loại polime, mệnh giá 50.000 đồng;

+ 01 (một) tờ tiền Việt Nam, loại polime, mệnh giá 100.000 đồng;

- Bà Lê Thị Kim A giao nộp:

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh - trắng, hiệu Fataco Bến Tre;

+ 01 (một) nón tai bèo, dạng nón nữ, được đan bằng len;

+ 01 (một) quần thun dài, loại quần nữ, màu xanh;

+ 01 (một) áo thun, loại áo nữ, màu xanh, cổ và tay áo có ren màu đen, tay áo bên trái và nút áo thứ hai từ trên xuống bị đứt;

- Lê Thành Bửu T giao nộp:

+ 01 (một) áo thun ngắn tay, màu đen - xám, phía trong cổ áo có chữ ORI FIT cỡ M;

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu xanh, phía trong cổ áo có chữ “X88”, “FASHION FOR MEN”, cỡ L;

+ 01 (một) quần dài, loại quần Jean, màu xanh - đen, phía trong lưng quần có chữ “BASIC BLUEEXCHANGE”;

- Nguyễn Văn Đ giao nộp:

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, hoa văn đen - trắng, phía trong cổ áo có chữ “Abercrombie & Fitch”, cỡ XL;

+ 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xám, phía trong cổ áo có chữ “Adidas”, cỡ L;

+ 01 (một) quần short, vải màu trắng kem, phía trong quần có chữ “patagonia” cỡ số 31;

- Nguyễn Quốc B giao nộp:

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu nâu, phía trong cổ áo có chữ “TOP HUOSE” “Quality clothing”;

+ 01 (một) quần dài, loại quần Jean, màu đen, túi quần phía sau bên phải có chữ “VERITAS”;

- 01(một) đĩa DVD chứa đoạn video clip ghi hình, trích từ camera quan sát gần

hiện trường (lưu theo trong hồ sơ).

* Tại Thông báo kết luận giám định số: 0593/N1.20/TĐ ngày 16/11/2020 và số 0695/N1.20/TĐ ngày 18/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, kết luận:

- 01 (một) đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 34cm là hợp kim vàng 14Kara (K), khối lượng 3,4910g;

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 52cm là hợp kim vàng 14Kara (K), khối lượng 16,1592g.

* Các Kết luận định giá tài sản số 04, số 05 cùng ngày 02/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, xác định: 03 chỉ vàng 14K, có giá trị 9.420.600 đồng và 05 chỉ vàng 14K, có giá trị 15.701.000 đồng. Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị là: 25.121.600 đồng.

* Giấy chứng nhận thương tích số 000441/2020/CN ngày 11/11/2020 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích của anh Dương Văn Định lúc vào viện: Vết thương mặt trước đoạn 1/3 dưới cánh tay (P) 06 x 08cm, rạch rộng vết thương 05cm thám sát thấy đứt một phần cơ tam đầu, gãy một phần vỏ xương cánh tay, đứt thần kinh quay, cơ cánh tay, thần kinh cơ bì, đứt gân cơ nhị đầu; Xquang: gãy một phần vỏ xương cánh tay (P). Tại giám định pháp y về thương tích số 314-1220/TgT ngày 16/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với anh Dương Văn Đ là 36%.

* Giấy chứng nhận thương tích số 000445/2020/CN ngày 12/11/2020 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích của anh Trần Văn Nguyễn lúc vào viện: Vết thương mặt trong cẳng tay (T) 08cm, đứt cơ gấp tay trụ, cơ gấp các ngón. Tại giám định pháp y về thương tích số 317-1220/TgT ngày 16/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với anh Trần Văn Ng là 02%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ phạm “Tội cướp giật tài sản”;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thành Bửu T, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 01/11/2021, các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ phạm “Tội cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 09 năm tù và bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 năm tù là tương xứng, các bị cáo có nhân thân không tốt; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 09 năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 07 giờ 20 phút ngày 25/10/2020, trên địa bàn thị trấn Mỏ Cày và ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; các bị cáo Lê Thành Bửu T,

Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ đã dùng phương tiện xe mô tô hai bánh cướp giật của bà Lê Thị Kim A 01 dây chuyền vàng 14K, khối lượng 05 chỉ, có giá trị 15.701.000 đồng và cướp giật của bà Nguyễn Thị L sợi dây chuyền vàng 14K, khối lượng 03 chỉ, có giá trị 9.420.600 đồng. Khi bị phát hiện truy đuổi, bị cáo Lê Thành Bửu T đã dùng dao chống trả gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho anh Dương Văn Đ là 36% và cho anh Trần Văn Ng là 02%.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để thực hiện hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Kim A tài sản trị giá 15.701.000 đồng và tài sản của bà Nguyễn Thị L trị giá 9.420.600 đồng, khi bị truy đuổi, các bị cáo đã dùng dao chống trả gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho anh Dương Văn Đ là 36% và cho anh Trần Văn Ng là 02%; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ phạm “Tội cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*” theo điểm b khoản 3 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo B có thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo “*Thành khẩn khai báo*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã tác động gia đình “*Bồi thường thiệt hại*” cho các bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo B 09 năm tù và bị cáo Đ 07 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; các bị cáo đã cấu kết, thống nhất với nhau về cách thức chiếm đoạt tài sản, sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm, khi phát hiện có người mang theo tài sản thì sử dụng xe mô tô tiếp cận giật lấy tài sản, xe mô tô còn lại tìm cách ngăn cản người khác vây bắt; ngoài ra các bị cáo còn chuẩn bị mang theo dao là hung khí nguy hiểm, khi sự việc bị phát hiện và bị truy

bắt thì các bị cáo đã sử dụng dao để chống trả gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho anh Đ là 36% và cho anh Ng là 02%, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm với nhau nên phải cùng chịu trách nhiệm chung về hành vi và hậu quả của từng bị cáo gây ra. Mặt khác, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân các bị cáo; đối với bị cáo Đ mặc dù không có tiền án, tiền sự, nhưng vào năm 2012 bị kết án về “Tội cướp giật tài sản”, năm 2014 bị kết án về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, năm 2014 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, năm 2016 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, lần phạm tội này có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Bình vào năm 2006 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thời hạn 06 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, lần phạm tội này có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điều đó chứng tỏ các bị cáo có nhân thân không tốt, không chỉ thể hiện sự xem thường pháp luật mà còn xem thường tài sản của người khác, là người khó cải tạo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo B 09 năm tù và bị cáo Đ 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo; tại cấp phúc thẩm các bị cáo không phát sinh thêm tình tiết mới có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc B và Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 29/2021/HS-ST ngày 26-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 09 (chín) năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù về “Tội cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Quốc B phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thành Bửu Tuấn, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân H. MCN (6b);
- Công an và VKSND H. MCN (2b);
- Chi cục THADS H. MCN (1b);
- UBND P. B, Q. V, TP. HCM (1b);
- UBND P. M, Q. V, TP. HCM (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông